

Số:1487 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 19 tháng 08 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới,  
được thay thế trong lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn  
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 26 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1218/QĐ-BXD ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Tờ trình số 30/TTr-BQL ngày 18 tháng 8 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh theo Quyết định số 1218/QĐ-BXD ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

**Điều 2.** Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ

giải quyết thủ tục hành chính công bố tại Điều 1 của Quyết định này theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XDCT, PVHCC. /



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
ĐƯỢC THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày       /       /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (02 TTHC)**

| STT                                                                                                               | Tên TTHC                                                                                                                                                             | Thời gian giải quyết                                        | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                     | Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC | Phí, lệ phí | Cơ quan thực hiện                                                                                                                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                     | TTHC liên thông |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                                                                                                                   | Mã TTHC                                                                                                                                                              |                                                             |                                                                                                                                                       |                                             |            |             |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |
| Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 1218/QĐ-BXD ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng |                                                                                                                                                                      |                                                             |                                                                                                                                                       |                                             |            |             |                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |
| 1                                                                                                                 | Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập)<br><br>1.014156. H21 | Không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc số 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai | Tiếp nhận và trả kết quả                    | Một phần   | Không       | - UBND cấp tỉnh;<br>- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai (Cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý khu chức | - Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;<br>- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;<br>- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ.<br>- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 16/2025/TT-BXD của | Cấp tỉnh        |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                                 | Thời gian giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                            | Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC | Phí, lệ phí | Cơ quan thực hiện                                                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                        | TTHC liên thông |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     | Mã TTHC                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                              |                                             |            |             |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                 |
|     |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                              |                                             |            |             | năng)                                                                                                                                                        | Bộ Xây dựng.                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                 |
| 2   | <p>Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà đầu tư tổ chức lập)</p> <p>1.014158.H21</p> | <p>- Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn UBND cấp tỉnh quy định trên cơ sở quy trình xử lý nội bộ của cấp phê duyệt và không quá 15 ngày</p> <p>- Đối với quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn theo quy trình rút gọn (quy hoạch tổng mặt bằng): 15</p> | <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc số 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai</p> | Tiếp nhận và trả kết quả                    | Một phần   | Không       | <p>- UBND cấp tỉnh;</p> <p>- Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai (Cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý khu chức năng)</p> | <p>- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;</p> <p>- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;</p> <p>- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP của Chính phủ.</p> <p>- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.</p> <p>- Thông tư số 16/2025/TT-BXD của Bộ Xây dựng</p> | Cấp tỉnh        |

| STT                | Tên TTHC | Thời gian giải quyết              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC | Phí, lệ phí | Cơ quan thực hiện | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông |
|--------------------|----------|-----------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|-------------|-------------------|----------------|-----------------|
|                    | Mã TTHC  |                                   |                                                   |                                             |            |             |                   |                |                 |
|                    |          | ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ |                                                   |                                             |            |             |                   |                |                 |
| Tổng cộng: 02 TTHC |          |                                   |                                                   |                                             |            |             |                   |                |                 |

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THỂ (02 TTHC)

| TT                                                                                                                | Tên thủ tục hành chính được thay thế                                                                                            | Tên TTHC thay thế                                                                                                           | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                     | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                | TTHC liên thông |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                                                                                                                   | Mã số TTHC                                                                                                                      |                                                                                                                             |                                         |                                                                                       |                                   |                |                      |                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |
| Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 1218/QĐ-BXD ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng |                                                                                                                                 |                                                                                                                             |                                         |                                                                                       |                                   |                |                      |                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |
| 1                                                                                                                 | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc | Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà | 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường Quy Nhơn, | Có                                | Một phần       | -                    | - Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15;<br>- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ.<br>- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.<br>- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. | Không           |

| TT | Tên thủ tục hành chính được thay thế                                                                                                                                          | Tên TTHC thay thế                                                                                         | Thời hạn giải quyết                     | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                           | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                | TTHC liên thông |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|    | Mã số TTHC                                                                                                                                                                    |                                                                                                           |                                         |                                                                             |                                   |                |                      |                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |
|    | thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh 1.002701                                                                                                                               | đầu tư tổ chức lập) 1.014155.H21                                                                          |                                         | tỉnh Gia Lai hoặc số 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai             |                                   |                |                      |                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |
|    | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã 1.002662 |                                                                                                           |                                         |                                                                             |                                   |                |                      |                                                                                                                                                                                                                                                               |                 |
| 2  | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc                                                     | Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị và nông thôn (đối với quy hoạch chi tiết do Nhà | 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ | - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, phường | Có                                | Một phần       | -                    | - Luật Xây dựng năm 2014;<br>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020;<br>- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày | Không           |

| TT                 | Tên thủ tục hành chính được thay thế                                                                                                                                    | Tên TTHC thay thế                   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                         | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | DVC trực tuyến | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                        | TTHC liên thông |
|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------|----------------------|---------------------------------------|-----------------|
|                    | Mã số TTHC                                                                                                                                                              |                                     |                     |                                                                           |                                   |                |                      |                                       |                 |
|                    | thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh 1.003.011                                                                                                                        | đầu tư tổ chức lập)<br>1.014157.H21 |                     | Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai hoặc số 69 Hùng Vương, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai |                                   |                |                      | 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; |                 |
|                    | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp xã 1.003141 |                                     |                     |                                                                           |                                   |                |                      |                                       |                 |
| Tổng cộng: 02 TTHC |                                                                                                                                                                         |                                     |                     |                                                                           |                                   |                |                      |                                       |                 |